

Số: **42**/2019/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày **25** tháng **9** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về thực hiện trình tự triển khai dự án đầu tư theo
Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 19/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 38 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 24/9/2015 của Chính phủ về Đăng ký Doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 17/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị; quản lý xây dựng theo quy hoạch;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định sửa đổi số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 02/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/3/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 69/TTr-SKHĐT ngày 21/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định về thực hiện trình tự triển khai dự án đầu tư theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2019. Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định giải quyết thủ tục hành chính một cửa liên thông các dự án đầu tư trực tiếp tại Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các Nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc;
- Văn phòng TU; các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐTBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- CPCT, CPVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin - Giao tiếp Điện tử tỉnh;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, NN1.

(Q- 60 b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì

QUY ĐỊNH
Về thực hiện trình tự triển khai dự án đầu tư theo Luật Đầu tư
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **42** /2019/QĐ-UBND
ngày **25** tháng **9** năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về thực hiện trình tự triển khai dự án đầu tư theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc từ bước tìm hiểu thông tin, quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến khi hoàn thành đầu tư đưa dự án vào vận hành với các thủ tục thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và các cơ quan thuộc UBND tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

2. Các thủ tục liên quan đến điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; điều chỉnh các nội dung liên quan đến dự án (điều chỉnh về quy hoạch, giao đất, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ); chấm dứt hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; gia hạn tiến độ đầu tư, tạm ngừng hoặc ngừng hoạt động của dự án đầu tư; các thủ tục về cấp phép lao động cho người nước ngoài, thủ tục hải quan liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa, thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Trình tự triển khai hoạt động đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản, đầu tư theo hình thức hợp tác đối tác công tư (PPP); quy trình đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, quy trình đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư để thực hiện dự án; trình tự đầu tư dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư khu đô thị mới thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, triển khai hoạt động đầu tư các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện trình tự triển khai các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chương II

NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 3. Nghiên cứu đầu tư

Khi có nhu cầu thực hiện hoạt động đầu tư tại Vĩnh Phúc, Nhà đầu tư liên hệ với Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan liên quan để được hỗ trợ, cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ nghiên cứu đầu tư.

Điều 4. Trách nhiệm công bố và cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối hướng dẫn, liên hệ, hỗ trợ Nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, triển khai hoạt động đầu tư tại Vĩnh Phúc.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm công bố công khai và cung cấp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, các thông tin khác theo chức năng và nhiệm vụ do mình quản lý khi nhận được đề nghị của Nhà đầu tư.

3. Trên cơ sở các thông tin được cung cấp, Nhà đầu tư đề xuất việc đầu tư dự án và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP THEO LUẬT ĐẦU TƯ

Điều 5. Hướng dẫn thực hiện triển khai dự án đầu tư có sử dụng đất ngoài khu công nghiệp theo Luật Đầu tư

1. Khi thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất ngoài khu công nghiệp theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Nhà đầu tư thực hiện một số hoặc tất cả các nhóm thủ tục như sau:

a) Quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án (nếu có); ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết (đối với dự án có quy mô từ 5ha đất trở lên hoặc từ 02 ha trở lên đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư);

c) Lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;

d) Thông báo thu hồi đất; lập, lấy ý kiến, trình thẩm định phương án bồi thường, ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất; bàn giao đất tại thực địa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

đ) Lập, thẩm định thiết kế xây dựng; lập, lấy ý kiến hoặc thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy; cấp giấy phép xây dựng;

e) Triển khai xây dựng các công trình, hạng mục công trình của dự án, lắp đặt máy móc thiết bị; thực hiện nghiệm thu và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận tài sản gắn liền với đất; thực hiện đảm bảo điều kiện đầu tư với dự án có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; đưa dự án đi vào hoạt động.

2. Để rút ngắn thời gian Nhà đầu tư có thể thực hiện đồng thời các thủ tục độc lập không phụ thuộc kết quả của thủ tục khác trong các nhóm thủ tục tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này.

Mục 1

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP

Điều 6. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 32, Luật Đầu tư.

2. Trình tự thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo Điều 33, Luật Đầu tư cụ thể như sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính công; trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan;

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư và hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường:

+ Sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thẩm định nhu cầu sử dụng đất của dự án theo quy định của pháp luật về đất đai. Thống nhất phạm vi, ranh giới thực hiện dự án trên trích lục bản đồ theo nhu cầu sử dụng đất đã thẩm định;

+ Các nội dung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cần thiết khác thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đồng thời với việc tham gia ý kiến thực hiện cung cấp trích lục bản đồ trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Xây dựng:

+ Sự phù hợp của Đề xuất dự án với quy hoạch xây dựng, với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng; các yêu cầu đối với Nhà đầu tư trong quá trình lập quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch, các yêu cầu về kết nối hạ tầng;

+ Vị trí, diện tích đề xuất của Nhà đầu tư, sự chồng lấn với các dự án khác (nếu có);

+ Các nội dung đề xuất về mục tiêu, quy mô xây dựng, tổng vốn đầu tư; các nội dung cần thiết khác thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Xây dựng;

+ Đồng thời với việc tham gia ý kiến thực hiện cung cấp các thông tin quy hoạch trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định công nghệ của dự án (nếu có);

- Công an tỉnh (Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy): Thẩm định các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy (nếu có) theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Các cơ quan khác có ý kiến thẩm định về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

+ Đối chiếu phạm vi đề xuất thực hiện dự án của Nhà đầu tư, cho ý kiến về nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, sự chồng lấn với các công trình, dự án khác;

+ Các nội dung của đề xuất dự án của Nhà đầu tư;

+ Sự phù hợp của Đề xuất dự án với quy hoạch, kế hoạch của địa phương;

+ Các nội dung cần tham gia ý kiến khác (nếu có).

d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ ý kiến hoặc hết hạn xin ý kiến các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trả lời Nhà đầu tư nếu dự án không đủ điều kiện quyết định chủ trương đầu tư;

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc có văn bản trả lời nếu không chấp thuận;

e) Thời gian theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này chưa bao gồm thời gian xin ý kiến Tỉnh ủy theo quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (với các trường hợp phải xin ý kiến chấp thuận của Tỉnh ủy trước khi quyết định chủ trương đầu tư).

Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư đồng thời phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và không phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng Nhà đầu tư có nhu cầu được cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà đầu tư.

3. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các dự án theo Khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư hoặc theo đề nghị của Nhà đầu tư theo Khoản 4 Điều 36 Luật Đầu tư, cụ thể như sau:

- a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công theo quy định;
- b) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản lấy ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ với các dự án phải thẩm định công nghệ và các cơ quan có liên quan khác nếu cần;
- c) Các cơ quan có ý kiến thẩm định trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- d) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ ý kiến hoặc hết hạn xin ý kiến các cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc có văn bản trả lời nếu không đủ điều kiện;
- đ) Trường hợp không phải xin ý kiến các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 8. Đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án

1. Các trường hợp thực hiện đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án, bao gồm:

- a) Nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư tại Việt Nam phải thành lập doanh nghiệp để triển khai dự án trừ trường hợp đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần theo Điều 25 của Luật Đầu tư; việc thành lập doanh nghiệp thực hiện sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- b) Nhà đầu tư trong nước phải thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 212 Luật Doanh nghiệp;
- c) Nhà đầu tư trong nước chỉ cần đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 66, Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015;
- d) Các trường hợp thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã và Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;
- đ) Các trường hợp không thuộc diện bắt buộc theo Điểm b và c Khoản 1 Điều này nhưng Nhà đầu tư có nhu cầu thành lập doanh nghiệp hoặc đăng ký hộ kinh doanh;
- e) Nhà đầu tư nước ngoài đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam, Nhà đầu tư trong nước đã thành lập doanh nghiệp nhưng có nhu cầu thành lập thêm doanh nghiệp tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án;

2. Thực hiện đăng ký kinh doanh

a) Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc đăng ký thành lập Liên hiệp Hợp tác xã Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính công hoặc đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử. Trong thời gian tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định, Phòng Đăng ký Kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để trả kết quả cho Nhà đầu tư.

b) Trường hợp đăng ký Hộ kinh doanh hoặc đăng ký thành lập Hợp tác xã, Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc trực tiếp tại phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử. Trong thời gian tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã để trả kết quả cho Nhà đầu tư.

Điều 9. Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo Điều 27, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Thời điểm ký quỹ sau khi có quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thực hiện trước khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

2. Sau khi được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Nhà đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để ký thỏa thuận đảm bảo đầu tư và nộp tiền ký quỹ vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Việc ký thỏa thuận được thực hiện ngay sau khi có sự thống nhất giữa Nhà đầu tư và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Việc ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP và theo nội dung thỏa thuận ký quỹ.

Mục 2

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ QUY HOẠCH

Điều 10. Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết

1. Dự án sử dụng đất từ 05 ha trở lên hoặc từ 02 ha trở lên đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư phải thực hiện phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết; trước khi phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

2. Trình tự thực hiện việc phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết theo quy định tại Chương II Nghị định 44/2015/NĐ-CP và Chương III Nghị định 37/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính công;

b) Với nhiệm vụ quy hoạch chi tiết:

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ ý kiến hoặc hết thời hạn xin ý kiến các cơ quan, Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc có văn bản trả lời nếu chưa đủ điều kiện;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết hoặc có văn bản trả lời nếu không chấp thuận.

c) Với đồ án quy hoạch chi tiết:

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ ý kiến các cơ quan hoặc hết thời hạn lấy ý kiến, Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê đồ án quy hoạch chi tiết hoặc có văn bản trả lời nếu chưa đủ điều kiện.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết hoặc có văn bản trả lời nếu không chấp thuận.

Mục 3

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các Bộ, ngành Trung ương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

2. Các dự án theo Cột 3, Phụ lục II kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP thuộc thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình tự thực hiện cụ thể như sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định thông qua Hội đồng thẩm định và ra thông báo thẩm định trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc;

c) Trong thời gian 08 (tám) ngày làm việc kể từ khi có thông báo của Hội đồng thẩm định, nếu thông báo không yêu cầu phải chỉnh sửa Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

d) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có văn bản trả lời nếu không đồng ý.

3. Việc trình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

Điều 12. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Dự án thuộc diện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 29 Luật Bảo vệ Môi trường và Điều 18 Nghị định 18/2015/NĐ-CP.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (đối với Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền đăng ký xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường) hoặc Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền đăng ký xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án.

Mục 4

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 13. Hướng dẫn chung thực hiện các thủ tục về đất đai

1. Trường hợp dự án thuộc diện Nhà nước thu hồi đất: Thông báo thu hồi đất; lập, lấy ý kiến, trình thẩm định phương án bồi thường, ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Điều 14 Quy định này. Sau khi chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 15 và Điều 16 Quy định này.

2. Trường hợp thực hiện chuyển nhượng theo Điều 73 Luật Đất đai và Điều 16 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Khoản 15 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP: Nhà đầu tư tự thỏa thuận chuyển nhượng với người sử dụng đất. Sau khi thỏa thuận xong thì nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có) theo Điều 16 Quy định này. Nếu trong phạm vi thực hiện dự án có phần diện tích người sử dụng đất không có quyền chuyển nhượng thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 14. Thông báo thu hồi đất; lập, lấy ý kiến, trình thẩm định phương án bồi thường, ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Thông báo thu hồi đất: Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-CT ngày 22/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về Công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

Sau khi có Thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi thông báo đến từng người có đất thu hồi, tổ chức họp phổ biến đến từng người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của dân cư nơi có đất thu hồi; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

3. Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm kê khai, kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tổng thời gian thực hiện là 50 (năm mươi) ngày làm việc, trong đó thời gian niêm yết công khai và lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ít nhất là 20 (hai mươi) ngày làm việc;

b) Cơ quan Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất: Thời gian thẩm định không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc.

4. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong cùng một ngày trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

5. Công khai Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi công bố công khai quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc.

6. Đối với dự án thuộc diện Nhà đầu tư tự thỏa thuận với người sử dụng đất, Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo các Điều 15, 16, và 17 Quy định này.

Điều 15. Giao đất, cho thuê đất

1. Sau khi thực hiện xong việc bồi thường hoặc thỏa thuận xong với người sử dụng đất, Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trình tự thực hiện giao đất, cho thuê đất

a) Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ, xác minh thực địa nếu cần, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất;

b) Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất.

Điều 16. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Trong thời hạn 09 (chín) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 17. Ký hợp đồng thuê đất, giao đất tại thực địa, thực hiện nghĩa vụ tài chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cơ quan tài nguyên và môi trường ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất) với Nhà đầu tư.

Thời gian thực hiện không bao gồm thời gian Nhà đầu tư thực hiện các công việc sau: Nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (nếu phạm vi thực hiện dự án có nguồn gốc là đất chuyên trồng lúa nước) hoặc lập phương án trồng rừng thay thế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu phạm vi thực hiện dự án có nguồn gốc là đất trồng rừng) và thời gian xác định giá đất, đơn giá thuê đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Nhà đầu tư thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất tại thực địa cho Nhà đầu tư.

3. Việc thực hiện xác định giá đất, đơn giá thuê đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Việc nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa; lập phương án trồng rừng thay thế, thực hiện theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nước khi chuyển đất lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Mục 5

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Điều 18. Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

1. Việc thiết kế về phòng cháy chữa cháy thực hiện theo Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định 79/2014/NĐ-CP.

2. Với các dự án thuộc Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP phải thực hiện việc lấy ý kiến hoặc thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy theo Điều 15 Nghị định 79/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Việc lấy ý kiến chấp thuận của Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ) về địa điểm thực hiện dự án: Với các dự án có xây dựng công trình nêu tại các Mục 14, 16 và 20 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 79/2014/NĐ-CP, khi lấy ý kiến các cơ quan đề thẩm định quyết định chủ trương đầu tư hoặc xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư phải lấy ý kiến chấp thuận của Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ) về địa điểm thực hiện dự án;

b) Với đồ án quy hoạch chi tiết: Thời gian tham gia ý kiến về phòng cháy, chữa cháy kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định của Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ) không quá 07 (bảy) ngày làm việc;

c) Với thiết kế cơ sở: Thời gian tham gia ý kiến về phòng cháy, chữa cháy kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định của Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ) không quá 07 (bảy) ngày làm việc với dự án nhóm A, 05 (năm) ngày làm việc với các dự án còn lại;

d) Với thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Thời gian thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định của Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ) không quá 12 (mười hai) ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 07 (bảy) ngày làm việc đối với dự án còn lại.

Điều 19. Lập, thẩm định thiết kế cơ sở và tổ chức phê duyệt dự án

1. Nhà đầu tư tổ chức lập khảo sát xây dựng, thoả thuận đấu nối hạ tầng với các đơn vị quản lý để làm cơ sở lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm chấp thuận đấu nối hạ tầng hoặc cung cấp thông tin đấu nối hạ tầng theo yêu cầu của Nhà đầu tư theo quy định.

2. Thẩm định thiết kế cơ sở các dự án thuộc thẩm quyền cơ quan cấp tỉnh

a) Đối tượng phải thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư trực tiếp của cơ quan cấp tỉnh theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

b) Trình tự thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở thực hiện theo Điều 11, Nghị định 59/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính công;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan;

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc với dự án nhóm C, 08 (tám) ngày làm việc với dự án nhóm B kể từ khi nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan liên quan tham gia ý kiến gửi Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;

- Trong thời hạn 12 (mười hai) ngày với dự án nhóm C, 16 (mười sáu) ngày với dự án nhóm B kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở gửi Nhà đầu tư.

3. Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, Nhà đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.

Điều 20. Lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng

1. Sau khi phê duyệt dự án đầu tư, Nhà đầu tư tổ chức lập khảo sát xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng trình thẩm định để làm cơ sở tự tổ chức phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

2. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các công trình thuộc thẩm quyền cơ quan cấp tỉnh:

a) Đối tượng phải thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và thẩm quyền thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công với các dự án đầu tư trực tiếp của cơ quan cấp tỉnh quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

b) Quy trình thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính công hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc trường hợp cần thực hiện việc thẩm tra phục vụ công tác thẩm định thì yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện theo Khoản 2 và Khoản 4 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP trước khi lấy ý kiến thẩm định; nếu không cần thực hiện thẩm tra phục vụ công tác thẩm định Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có văn bản lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan;

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc với công trình cấp II và cấp III, 06 (sáu) ngày làm việc với công trình dưới cấp III kể từ khi nhận được văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan có văn bản thẩm định các nội dung thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;

- Trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III, 16 (mười sáu) ngày làm việc với công trình dưới cấp III kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có kết quả thẩm định thiết kế thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công gửi Nhà đầu tư.

3. Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, Nhà đầu tư tự tổ chức phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng.

Điều 21. Cấp giấy phép xây dựng các công trình không phải cấp đặc biệt

1. Các dự án có xây dựng công trình, hạng mục công trình theo quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng, Nhà đầu tư phải thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng trước khi triển khai xây dựng.

2. Trình tự thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo điều 102, Luật Xây dựng, cụ thể như sau:

a) Đối với công trình xây dựng không phải cấp đặc biệt: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Bộ phận một cửa Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp;

b) Trong thời hạn 08 (tám) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng cho Nhà đầu tư.

Mục 6

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN KHỞI CÔNG VÀ ĐƯA DỰ ÁN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Điều 22. Hướng dẫn chung thực hiện các thủ tục liên quan đến khởi công và đưa dự án đi vào hoạt động

Sau khi được cấp giấy phép xây dựng (trừ các công trình không phải thực hiện cấp phép) Nhà đầu tư tổ chức thi công xây dựng các công trình, hạng mục của dự án, lắp đặt máy móc thiết bị. Sau khi xây dựng xong Nhà đầu tư tự thực hiện nghiệm thu trong đó có xác nhận hoàn thiện giải pháp đảm bảo môi trường và an toàn phòng cháy, chữa cháy; sau khi nghiệm thu xong đề nghị được Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu; kết thúc nghiệm thu thực hiện cấp chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Trước khi đi vào hoạt động thực hiện việc đảm bảo điều kiện đầu tư với dự án có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; đưa dự án đi vào vận hành khai thác.

Điều 23. Khởi công, thực hiện nghiệm thu và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu

1. Trước khi khởi công, Nhà đầu tư thông báo trước 07 (bảy) ngày làm việc đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai dự án và đồng gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát đánh giá đầu tư. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công công trình, Nhà đầu tư phải báo cáo thông tin công trình theo Điểm a Khoản 1 Điều 13 Thông tư 26/2016/TT-BXD đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP để chuẩn bị cho công tác nghiệm thu và kiểm tra công tác nghiệm thu.

2. Nhà đầu tư tự tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình theo quy định tại Điều 31, Nghị định 46/2015/NĐ-CP trong đó phải được cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy ra văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và Điều 13 Thông tư 26/2016/TT-BXD.

4. Sau kết thúc kiểm tra công tác nghiệm thu Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo kết quả nghiệm thu đến Nhà đầu tư đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện việc hoàn trả tiền ký quỹ (nếu có).

Điều 24. Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Sau khi hoàn thành việc nghiệm thu tại Điều 23 quy định này, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Nhà đầu tư.

Điều 25. Đảm bảo điều kiện đầu tư với dự án có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

Đối với dự án có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư phải đảm bảo điều kiện đầu tư kinh doanh trước khi đi vào hoạt động theo Điều 9, Nghị định 118/2015/NĐ-CP. Việc đảm bảo điều kiện đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương IV

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THEO LUẬT ĐẦU TƯ

Điều 26. Hướng dẫn thực hiện triển khai dự án đầu tư có sử dụng đất trong các khu công nghiệp theo Luật Đầu tư

1. Khi thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trong các khu công nghiệp theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Nhà đầu tư thực hiện một số hoặc tất cả các nhóm thủ tục như sau:

a) Xác định địa điểm đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thực hiện đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án (nếu có); ký quỹ thực hiện dự án đầu tư (nếu có).

b) Lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi;

c) Thuê lại đất, giao đất; ký hợp đồng thuê đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

d) Thỏa thuận về đấu nối hạ tầng; thẩm định thiết kế xây dựng; lập, thẩm định phòng cháy, chữa cháy; cấp giấy phép xây dựng.

đ) Triển khai xây dựng các công trình, hạng mục công trình của dự án, lắp đặt máy móc thiết bị; thực hiện nghiệm thu và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận tài sản gắn liền với đất; thực hiện đảm bảo điều kiện đầu tư với dự án có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; đưa dự án đi vào hoạt động.

2. Để rút ngắn thời gian Nhà đầu tư có thể thực hiện đồng thời các thủ tục độc lập không phụ thuộc kết quả của thủ tục khác trong các nhóm thủ tục tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

MỤC 1

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP

Điều 27. Xác định địa điểm đầu tư

Nhà đầu tư chủ động lựa chọn địa điểm đầu tư, ký thỏa thuận nguyên tắc thuê lại đất trong khu công nghiệp với đơn vị quản lý, vận hành, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

8

Điều 28. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền cấp tỉnh

1. Dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban quản lý các Khu công nghiệp được quy định tại Điều 32, Luật Đầu tư và Điều 30, 32, Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo Điều 33 của Luật Đầu tư năm 2014, cụ thể như sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Ban Quản lý các Khu công nghiệp có văn bản lấy ý kiến ý kiến thẩm định về công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ với các dự án phải thẩm định công nghệ và ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan khác nếu cần;

c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định các nội dung về công nghệ của dự án; các cơ quan được lấy ý kiến khác có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình theo đề nghị của Ban Quản lý các Khu công nghiệp;

d) Sau khi có đủ ý kiến của các cơ quan hoặc hết thời hạn lấy ý kiến:

- Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Ban Quản lý các Khu công nghiệp: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi có đủ ý kiến hoặc hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan Ban Quản lý các Khu công nghiệp quyết định chủ trương đầu tư cho dự án hoặc có văn bản trả lời Nhà đầu tư nếu không đủ điều kiện;

- Trường hợp dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi có đủ ý kiến hoặc hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan Ban Quản lý các Khu công nghiệp lập Báo cáo thẩm định gửi Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc có văn bản trả lời Nhà đầu tư nếu không đủ điều kiện;

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được Báo cáo thẩm định của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định chủ trương đầu tư hoặc có văn bản trả lời Nhà đầu tư nếu không chấp thuận.

Điều 29. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp đồng thời phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư: Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong 03 (ba) làm việc ngày sau khi có quyết định chủ trương đầu tư của dự án.

2. Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư không phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu Nhà đầu tư có nhu cầu được cấp: Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà đầu tư.

3. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

4. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án theo Khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư hoặc theo đề nghị của Nhà đầu tư theo Khoản 4 Điều 36 Luật Đầu tư thực hiện theo trình tự như sau:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định, Ban Quản lý các Khu công nghiệp ban hành văn bản lấy ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ với các dự án phải thẩm định công và của các cơ quan có liên quan khác nếu cần;

c) Các cơ quan tham gia ý kiến thẩm định trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Ban Quản lý các Khu công nghiệp;

d) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ ý kiến hoặc hết hạn xin ý kiến các cơ quan Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc có văn bản trả lời nếu không đủ điều kiện;

Điều 30. Đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án; ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư

1. Đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án: Thực hiện theo Điều 8 Quy định này.

2. Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư:

a) Nhà đầu tư phải ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Thời điểm ký quỹ sau khi được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thực hiện trước khi được giao, cho thuê đất;

b) Ban quản lý các Khu công nghiệp kiểm tra và yêu cầu các Nhà đầu tư ký quỹ theo điểm a khoản này;

c) Việc ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP và theo nội dung thỏa thuận ký quỹ.

Mục 2

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 31. Lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo Điều 11 Quy định này.

2. Dự án chỉ phải đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường:

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền

đăng ký xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường) hoặc của Ban quản lý các Khu công nghiệp (đối với Kế hoạch bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) hoặc của Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền đăng ký xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án.

Mục 3

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 32. Ký hợp đồng thuê lại đất, giao đất tại thực địa

Sau khi được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Nhà đầu tư liên hệ với đơn vị kinh doanh hạ tầng để ký hợp đồng thuê lại đất và hạ tầng chính thức để được giao đất.

Điều 33. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Sau khi hoàn thành thủ tục tại Điều 32 Quy định này, Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm làm thủ tục tại Sở Tài nguyên và Môi trường để tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nhà đầu tư. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định từ đơn vị kinh doanh hạ tầng, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nhà đầu tư.

Mục 4

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Điều 34. Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

Thực hiện theo Điều 18 Quy định này.

Điều 35. Lập, thẩm định thiết kế cơ sở và tổ chức phê duyệt dự án đầu tư

1. Thẩm định thiết kế cơ sở các công trình trong các khu công nghiệp:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP thực hiện trong Khu công nghiệp: Hồ sơ sau khi được tiếp nhận được chuyển đến Ban quản lý các Khu công nghiệp;

b) Thời hạn, trình tự thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở thực hiện theo Điểm b Khoản 2 Điều 19 quy định này trong đó cơ quan chủ trì thẩm định là Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

2. Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, Nhà đầu tư tự tổ chức thẩm định dự án và ban hành Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư.

Điều 36. Lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng

Thực hiện theo Điều 20 quy định này.

Điều 37. Giấy phép xây dựng các công trình không phải cấp đặc biệt

1. Đối với công trình xây dựng từ cấp I và cấp II trong Khu công nghiệp: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Hành chính Công tỉnh Vĩnh Phúc. Trình tự thực hiện việc cấp phép theo Điều 21 Quy định này.

2. Đối với công trình xây dựng trong Khu công nghiệp từ cấp III trở xuống: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc. Trình tự thực hiện việc cấp phép theo Điều 21 Quy định này trong đó cơ quan cấp phép là Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

Mục 5

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN KHỞI CÔNG VÀ ĐƯA DỰ ÁN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Điều 38. Thực hiện các thủ tục liên quan đến khởi công và đưa dự án đi vào hoạt động

1. Hướng dẫn chung: Thực hiện theo Điều 22 Quy định này.

2. Khởi công, thực hiện nghiệm thu và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu:

a) Trước khi khởi công, Nhà đầu tư thông báo trước 07 (bảy) ngày làm việc đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai dự án và đồng gửi đến Ban quản lý các Khu công nghiệp để theo dõi, giám sát đánh giá đầu tư. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày khởi công công trình, Nhà đầu tư phải báo cáo thông tin công trình theo Điểm a Khoản 1 Điều 13 Thông tư 26/2016/TT-BXD đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP để chuẩn bị cho công tác nghiệm thu và kiểm tra công tác nghiệm thu;

b) Nhà đầu tư tự tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình theo quy định tại Điều 31, Nghị định 46/2015/NĐ-CP trong đó phải được cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh ra văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và Điều 13 Thông tư 26/2016/TT-BXD;

d) Sau kết thúc kiểm tra công tác nghiệm thu Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo kết quả nghiệm thu đến Nhà đầu tư đồng gửi Ban quản lý các Khu công nghiệp để thực hiện việc hoàn trả tiền ký quỹ (nếu có).

8

Điều 39. Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Thực hiện theo Điều 24 Quy định này.

Chương V

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÔNG THỰC HIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT THEO LUẬT ĐẦU TƯ

Điều 40. Triển khai dự án đầu tư không thực hiện giao đất, cho thuê đất theo Luật Đầu tư

1. Khi thực hiện dự án đầu tư không thực hiện giao đất, cho thuê đất theo Luật Đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Nhà đầu tư thực hiện một số hoặc tất cả các nhóm thủ tục như sau:

a) Quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thực hiện đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án (nếu có);

b) Thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện thủ tục về phòng cháy chữa cháy (nếu có);

d) Thực hiện thủ tục về xây dựng (nếu có);

đ) Thực hiện việc đảm bảo điều kiện đầu tư với dự án có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (nếu có).

2. Để rút ngắn thời gian Nhà đầu tư có thể thực hiện đồng thời các thủ tục độc lập không phụ thuộc kết quả của thủ tục khác trong các nhóm thủ tục tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

Điều 41. Chi tiết thực hiện các thủ tục

1. Quyết định chủ trương đầu tư

a) Dự án ngoài khu công nghiệp: Thực hiện theo Điều 6 Quy định này.

b) Dự án trong khu công nghiệp: Thực hiện theo Điều 28 Quy định này.

2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Dự án ngoài khu công nghiệp: Thực hiện theo Điều 7 Quy định này.

b) Dự án trong khu công nghiệp: thực hiện theo Điều 29 Quy định này.

3. Thực hiện đăng ký kinh doanh tại Vĩnh Phúc để thực hiện dự án, thực hiện theo Điều 8 Quy định này.

4. Thực hiện các thủ tục về môi trường: Thực hiện theo Điều 11 hoặc Điều 12 Quy định này.

5. Thực hiện các thủ tục về phòng cháy chữa cháy (nếu có): Thực hiện theo Điều 18 Quy định này.

6. Thực hiện các thủ tục về xây dựng (nếu có): Thực hiện theo Điều 19, Điều 20, Điều 21 Quy định này.

7. Thực hiện việc đảm bảo điều kiện đầu tư với dự án có ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Thực hiện theo Điều 25 Quy định này.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 42. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
2. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và của Quy định này trong quá trình triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
3. Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Đầu tư và chế độ báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo Nghị định số 84/2015/NĐ-CP.
4. Phản ánh, góp ý công khai đối với việc xử lý hồ sơ chậm trễ hoặc gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực của các tổ chức, cá nhân có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về phản ánh, góp ý của mình. Các nội dung phản ánh, góp ý không được thực hiện công khai sẽ không được coi là hợp lệ và không được xem xét.

Điều 43. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân chủ trì giải quyết

1. Đảm bảo tuân thủ thực hiện trình tự thủ tục và thời gian thực hiện theo quy định này.
2. Công khai quy trình giải quyết nội bộ, thành phần hồ sơ giải quyết đối với từng thủ tục niêm yết tại trụ sở cơ quan.
3. Thực hiện công tác thẩm định đảm bảo tính độc lập, trung thực, khách quan trong quá trình thẩm định; bảo lưu ý kiến trong văn bản thẩm định của cơ quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo lưu ý kiến của mình. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, tác động đến công tác thẩm định dẫn đến kết quả thẩm định không đảm bảo tính độc lập, trung thực, khách quan.

Điều 44. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tham gia ý kiến

1. Các cơ quan được lấy kiến có trách nhiệm trả lời cơ quan chủ trì thẩm định bằng văn bản đúng thời hạn, đầy đủ các nội dung được đề nghị tham gia ý kiến và chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan thuộc chức năng quản lý của mình.
2. Nội dung tham gia ý kiến phải rõ ràng, các nội dung được cơ quan chủ trì đề nghị nhưng không có ý kiến phải nêu rõ lý do. Quá thời hạn tham gia ý kiến không có ý kiến tham gia mà không có lý do chính đáng hoặc trả lời không rõ quan điểm thì được coi là chấp thuận với hồ sơ đề xuất và người đứng đầu cơ quan tham gia ý kiến hoàn toàn chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan thuộc chức năng quản lý của cơ quan mình theo quy định. Cơ quan chủ trì thẩm định được phép thực hiện các công việc tiếp theo đã được quy định.

Điều 45. Xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện

Trong quá trình thực hiện quy định này, các tổ chức cá nhân có liên quan có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư đang triển khai các thủ tục hành chính theo các quyết định có liên quan trên địa bàn tỉnh không phù hợp với quy định này thì tiếp tục triển khai cho đến khi hoàn thiện các thủ tục đưa dự án đi vào vận hành. Trường hợp có nhu cầu thực hiện theo quy định này, nhà đầu tư được kế thừa các kết quả đã triển khai để tiếp tục hoàn thiện theo quy định này.

Điều 47. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát lại các thủ tục hành chính của cơ quan mình liên quan đến các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư, đề nghị công bố điều chỉnh cho phù hợp với quy định này và các quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nhà đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./. *HT*

(Kèm theo Quy định này Phụ lục chi tiết các thủ tục, công việc phải thực hiện và thời gian thực hiện)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì

PHỤ LỤC
THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC, CÔNG VIỆC
DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số: **42**/2019/QĐ-UBND ngày **25** tháng **9** năm 2019 của
UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
I	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ NGOÀI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP			
1	Quyết định chủ trương đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
1.1	Quyết định chủ trương đầu tư		20	
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan	3	
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		7	
-	Tổng hợp ý kiến báo cáo UBND tỉnh		5	
-	Xem xét Ban hành Quyết định chủ trương đầu tư	UBND Tỉnh	5	
1.2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
<i>1.2.1</i>	<i>Thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	
<i>1.2.2</i>	<i>Không thuộc diện Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng Nhà đầu tư đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>		3	
<i>1.2.3</i>	<i>Dự án thuộc diện chỉ phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>		10	
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến		3	
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		5	X
-	Tổng hợp ý kiến, cấp giấy Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		2	
1.3	Thực hiện đăng ký kinh doanh		3	
-	Cấp Đăng ký hộ kinh doanh, Hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện	3	
-	Cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp hoặc Liên hiệp Hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	
1.4	Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư			
-	Ký thỏa thuận ký quỹ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	X
2	Quy hoạch và kiến trúc			
2.1	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch			
<i>2.1.1</i>	<i>Với nhiệm vụ quy hoạch</i>	Sở Xây dựng	20	
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến		3	
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		7	
-	Tổng hợp ý kiến báo cáo UBND tỉnh		5	
-	Xem xét phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch		5	
<i>2.1.2</i>	<i>Với đồ án quy hoạch chi tiết</i>		25	
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến		3	

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		10	
-	Tổng hợp ý kiến báo cáo UBND tỉnh		7	
-	Xem xét phê duyệt đồ án quy hoạch	UBND tỉnh	5	
2	Thủ tục bảo vệ môi trường			
2.1	Báo cáo đánh giá tác động môi trường		33	
-	Tổ chức thẩm định thông qua Hội đồng thẩm định	Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định	20	
-	UBND tỉnh xem xét phê duyệt	UBND Tỉnh	8	
2.2	Kế hoạch bảo vệ môi trường			
-	Giấy xác nhận	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND cấp huyện	10	
3	Thủ tục về đất đai			
3.1	Thông báo thu hồi đất			
-	Trình ban hành	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường		
-	Ban hành thông báo	UBND Tỉnh hoặc UBND huyện		
3.2	Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
-	Lập phương án và lấy ý kiến các cơ quan liên quan, bao gồm cả thời gian công khai ít nhất 20 ngày	Cơ quan làm nhiệm vụ Bồi thường giải phóng mặt bằng	50	X
-	Thẩm định trình phê duyệt phương án	Cơ quan Tài nguyên và Môi trường	10	
-	Xem xét ban hành quyết định phê duyệt thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư	UBND cùng cấp	3	
-	Công khai Quyết định phê duyệt phương án và chi trả tiền	Cơ quan làm nhiệm vụ Bồi thường giải phóng mặt bằng	30	
3.3	Giao đất, cho thuê đất		13	
-	Thẩm định hồ sơ	Sở Tài nguyên và Môi trường	10	
-	Xem xét ban hành quyết định	UBND Tỉnh	3	
3.4	Chuyển mục đích sử dụng đất		12	
-	Thẩm định hồ sơ	Sở Tài nguyên và Môi trường	9	
-	Xem xét ban hành quyết định	UBND Tỉnh	3	
3.5	Ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất thực địa			
-	Ký hợp đồng thuê đất	Sở Tài nguyên và	10	

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
-	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất thực địa sau khi Nhà đầu tư hoàn thiện nghĩa vụ tài chính	Môi trường	5	
4	Thiết kế xây dựng, lấy ý kiến và thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy			
4.1	Các thủ tục về Phòng cháy, chữa cháy			
4.1.1	Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến chấp thuận về địa điểm thực hiện với các Dự án thuộc Mục 14,16 và 20 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP		Cùng thời gian tham gia ý kiến	
4.1.2	Tham gia ý kiến về Phòng cháy, chữa cháy với đồ án quy hoạch chi tiết		7	
4.1.3	Tham gia ý kiến về Phòng cháy chữa, cháy với thiết kế cơ sở	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy		
-	Dự án nhóm A		7	
-	Dự án nhóm B, nhóm C		5	
4.1.4	Thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy chữa cháy tại bước thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế thi công			
-	Dự án nhóm A		12	
-	Dự án nhóm B, nhóm C		7	
4.2	Thẩm định thiết kế cơ sở, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng			
4.2.1	Thỏa thuận đấu nối hạ tầng	Đơn vị quản lý hạ tầng	7	
4.2.2	Thẩm định thiết kế cơ sở			
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến	Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	3	
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Các cơ quan liên quan		
	Lấy ý kiến tham gia với Dự án nhóm B		8	
	Lấy ý kiến với Dự án nhóm C		5	
-	Tổng hợp ý kiến trả kết quả thẩm định cho Nhà đầu tư	Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành		
	Với Dự án nhóm B		4	
	Với Dự án nhóm C		4	
4.3	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng			
4.3.1	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công			
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến	Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	3	
+	Nếu nhận được yêu cầu thực hiện thẩm tra Nhà đầu tư thực hiện theo Khoản 4 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP	Nhà đầu tư và Tư vấn thẩm tra		

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
-	Lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan	Các cơ quan liên quan		
+	Với Công trình cấp II và cấp III		10	
+	Với Công trình dưới cấp III		6	
-	Tổng hợp trả kết quả thẩm định cho Nhà đầu tư	Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành		
+	Với Công trình cấp II và cấp III		11	
+	Với Công trình dưới cấp III		7	
4.3.2	Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng	Nhà đầu tư		
4.4	Cấp Giấy phép xây dựng			
-	Công trình không thuộc cấp đặc biệt	Sở Xây dựng hoặc UBND cấp huyện	8	
5	Khởi công, thi công; nghiệm thu; kiểm tra công tác nghiệm thu			
-	Trước khi khởi công 7 ngày gửi thông báo đến UBND cấp xã và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công công trình, Nhà đầu tư phải báo cáo thông tin công trình đến cơ quan chuyên môn về xây dựng để chuẩn bị cho công tác nghiệm thu và kiểm tra công tác nghiệm thu.	Nhà đầu tư		
-	Nhà đầu tư tự tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình trong đó phải được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	Nhà đầu tư		
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu	Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành		
-	Sau khi có kết quả kiểm tra thông báo đến Nhà đầu tư đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư			
6	Thực hiện việc đảm bảo điều kiện đầu tư			X
-	Đối với dự án có ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục để đảm bảo điều kiện đầu tư kinh doanh trước khi chính thức đi vào hoạt động	Cơ quan chuyên ngành		X
7	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
-	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	
II	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ TRONG KHU CÔNG NGHIỆP			
1	Quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
1.1	Quyết định chủ trương đầu tư			
-	Thẩm định hồ sơ	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	3	
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan		7	

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
-	Với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban xem xét Quyết định chủ trương đầu tư, hoặc trả lời không đủ điều kiện		5	
-	Với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Ban trình UBND tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư		5	
-	UBND tỉnh xem xét Quyết định chủ trương đầu tư:	UBND tỉnh	5	
1.2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
1.2.1	<i>Thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>		3	
1.2.2	<i>Không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng Nhà đầu tư đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	3	
1.2.3	<i>Dự án thuộc diện chỉ phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>		10	
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến		3	
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Các cơ quan liên quan	5	X
-	Tổng hợp ý kiến, cấp giấy CNĐKĐT	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	2	
1.3	Thực hiện đăng ký kinh doanh		3	
-	Cấp Đăng ký hộ kinh doanh, Hợp tác xã	Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện	3	
-	Cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hoặc Liên hiệp Hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	
1.4	Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư			
-	Ký thỏa thuận ký quỹ	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	1	
2	Thủ tục về đất đai			
2.1	Ký hợp đồng thuê lại đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	10	
2.2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất thực địa	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	
3	Thủ tục bảo vệ môi trường			
3.1	Báo cáo đánh giá tác động môi trường		33	
-	Tổ chức thẩm định thông qua Hội đồng thẩm định	Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định	20	
-	Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi nhận được thông báo kết quả thẩm định nếu không yêu cầu phải chỉnh sửa thì trình UBND tỉnh phê duyệt	Sở Tài nguyên và Môi trường	8	
-	UBND tỉnh xem xét phê duyệt	UBND Tỉnh	7	

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
3.2	Kế hoạch bảo vệ môi trường			
-	Giấy xác nhận	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp	10	
4	Thiết kế xây dựng lấy ý kiến và thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy			
4.1	Thủ tục về Phòng cháy chữa cháy			
4.1.1	<i>Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến chấp thuận về địa điểm thực hiện với các Dự án thuộc Mục 14,16 và 20 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP</i>		Cùng thời gian tham gia ý kiến	
4.1.2	<i>Tham gia ý kiến về Phòng cháy chữa cháy với đồ án quy hoạch chi tiết</i>		7	
	<i>Tham gia ý kiến về Phòng cháy chữa cháy với thiết kế cơ sở</i>			
-	Dự án nhóm A	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy	7	
-	Dự án nhóm B, nhóm C		5	
4.1.3	<i>Thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy chữa cháy tại bước thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế thi công</i>			
-	Dự án nhóm A		12	
-	Dự án nhóm B, nhóm C		7	
4.2	Thẩm định thiết kế cơ sở, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng			
4.2.1	<i>Thỏa thuận đầu nối hạ tầng</i>	Đơn vị quản lý hạ tầng	7	
4.2.2	<i>Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Xây dựng thực hiện theo mục 5.3 Phần I Phụ lục này</i>			
4.2.3	<i>Thẩm định thiết kế cơ sở dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý các Khu công nghiệp</i>			
-	Kiểm tra hồ sơ trước khi lấy ý kiến	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	3	
-	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Các cơ quan liên quan		
	Lấy ý kiến tham gia với Dự án nhóm B		5	
	Lấy ý kiến với Dự án nhóm C		8	
-	Tổng hợp ý kiến trả kết quả thẩm định cho Nhà đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp		
	Với Dự án nhóm B		2	
	Với Dự án nhóm C		4	
4.2.4	<i>Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng</i>	Nhà đầu tư		
4.3	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng			
4.3.1	<i>Thẩm định TKKT/TKBVT thực hiện theo mục 5.4 Phần I Phụ lục này</i>			
4.3.2	<i>Phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng</i>	Nhà đầu tư		

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
5	Cấp Giấy phép xây dựng			
-	Công trình xây dựng cấp I và cấp II	Sở Xây dựng	8	
-	Công trình xây dựng cấp III trở xuống	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	8	
6	Khởi công, thi công công trình			
-	Trước khi khởi công 7 ngày gửi thông báo đến UBND cấp xã và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công công trình, Nhà đầu tư phải báo cáo thông tin công trình đến cơ quan chuyên môn về xây dựng để chuẩn bị cho công tác nghiệm thu và kiểm tra công tác nghiệm thu.	Nhà đầu tư		
-	Nhà đầu tư tự tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình trong đó phải được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	Nhà đầu tư		
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu	Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành		
-	Sau khi có kết quả kiểm tra thông báo đến Nhà đầu tư đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư			
7	Thực hiện việc đảm bảo điều kiện đầu tư			X
-	Đối với dự án có ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục để đảm bảo điều kiện đầu tư kinh doanh trước khi chính thức đi vào hoạt động	Cơ quan chuyên ngành		
8	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
-	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	
III	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ DỰ ÁN KHÔNG THỰC HIỆN GIAO ĐẤT CHO THUÊ DỤNG ĐẤT			
1	Quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
-	Quyết định chủ trương đầu tư theo mục 1.1 Phần I hoặc mục 1.1 Phần II Phụ lục này	UBND tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp		
-	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo mục 1.2 Phần I hoặc mục 1.2 Phần II Phụ lục này	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp		
2	Thủ tục Bảo vệ môi trường			
	Thực hiện theo Mục 3 Phần I hoặc Mục 3 Phần II Phụ lục này	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, Ban Quản lý các Khu công nghiệp		

TT	Các thủ tục/công việc triển khai	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa (ngày làm việc)	Ghi chú
3	Thủ tục phòng cháy chữa cháy			
	Thực hiện theo Mục 4 Phần I hoặc Mục 4 Phần II Phụ lục này	Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy		
4	Thủ tục về xây dựng			
	Thực hiện theo Mục 4, Mục 5 Phần I hoặc Mục 4, Mục 5 Phần II Phụ lục này			
5	Cấp giấy phép hoạt động	Cơ quan chuyên ngành		

Ghi chú: (X) chưa có quy định về thời gian thực hiện

8